

Lý Nam Đế (Lý Bí) và nước Vạn Xuân

--- không rõ tác giả ---

I. Khởi nghĩa Lý Bí (542-543)

Nửa cuối thế kỷ 6 là một thời điểm đột phá lớn trong lịch sử hơn ngàn năm chống Bắc thuộc của nhân dân ta. Nó được đánh dấu bởi một cuộc khởi nghĩa lớn và tiếp sau đó là một thời kỳ độc lập tạm thời.

Lý Bí xuất thân từ một hào trưởng địa phương (1). Theo sử cũ, quê ông ở huyện Thái Bình (2) (có lẽ ở phía trên thị xã Sơn Tây, trên hai bờ sông Hồng), đời đời là nhà hào hữu (thủ lĩnh địa phương). Một thời, ông có ra làm việc với chính quyền đô hộ, nhận một chức quan nhỏ: giám quận (kiểm soát quân sự) ở Cửu Đức, Đức Châu (Đức Thọ, Hà Tĩnh). Yêu nước, thương dân, bất bình với bè lũ đô hộ, ông sớm bỏ quan, về quê ở Thái Bình. Vùng quê ông có Tinh Thiều, giỏi văn chương, lặn lội sang kinh đô nhà Lương (Nam Kinh) xin bổ một chức quan (trước năm 521). Như đã nói, Nam triều Trung Quốc cho đến thời Lương, phân biệt tôn ti chặt chẽ giữa quý tộc (danh gia vọng tộc) và bình dân (hàn môn). Lại bộ thượng thư nhà Lương là Sái Tồn bảo họ Tinh là hàn môn, chỉ cho Thiều làm Quảng Dương môn lang tức là chân canh cổng thành phía tây kinh đô Kiến Khang. Tinh Thiều lấy thế làm xấu hổ, không nhận chức, về quê, cùng Lý Bí mưu tính việc khởi nghĩa, chiêu tập hiền tài.

Bấy giờ Tiêu Tư làm thứ sử Giao Châu, Tiêu Tư là tôn thất nhà Lương, tước Vũ Lâm hầu; họ Tiêu là một trong những cự tộc Hoa Bắc dời về Nam, uy quyền rất lớn. Chính sử Trung Quốc (Lương thư, Trần thư) cũng phải nhận rằng Tiêu Tư là một kẻ "tàn bạo, mất lòng dân".

Lý Bí, nhân lòng oán hận của dân, đã liên kết với hào kiệt các châu thuộc miền đất nước ta (3) đồng thời nổi dậy chống Lương (4). Theo sử cũ của ta, thủ lĩnh Chu Diên (ngoại thành Hà Nội) là Triệu Túc và con là Triệu Quang Phục, phục tặc đức Lý Bí đã đem quân theo trước tiên (vùng quê Lý - Triệu giáp với nhau). Phạm Tu (có đền thờ ở Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội) cũng là một tướng tài của Lý Bí từ buổi đầu khởi nghĩa.

Cuộc khởi nghĩa thành công nhanh. Đứng trước cuộc khởi nghĩa lớn, có sự liên kết giữa các địa phương. Tiêu Tư khiếp hãi, không dám chống cự, vội sai người mang vàng bạc của cải đút lót cho Lý Bí rồi chạy trốn về Việt Châu (bắc Hợp Phố) và Quảng Châu.

Nổi dậy từ tháng 1 năm 542 (tháng Chạp năm Đại Đồng thứ 7), không quá 3 tháng, nghĩa quân đã chiếm được châu thành Long Biên (Bắc Ninh).

Sau những giờ phút kinh hoàng buổi đầu, chính quyền nhà Lương lập tức có phản ứng đối phó. Tháng 4 năm 542 (tháng Ba năm Đại Đồng thứ 8), vua Lương sai thứ sử Việt Châu là Trần Hưu, thứ sử La Châu là Ninh Cư, thứ sử An Châu là Lý Trí, thứ sử Ái Châu là Nguyễn Hán, từ 2 phía bắc nam Giao Châu cùng tiến đánh nghĩa quân Lý Bí. Cuộc phản kích này của giặc Lương đã hoàn toàn thất bại. Nghĩa quân thắng lớn và nắm quyền làm chủ đất nước. Từ đồng bằng Bắc bộ, Lý Bí đã kiểm soát được tới vùng Đức Châu (Hà Tĩnh) ở phía Nam vùng bán đảo Hợp Phố ở phía Bắc.

Bị thua đau, vua Lương lại sai thứ sử Cao Châu là Tôn Quýnh, thứ sử Tân Châu là Lư Tử Hùng điều khiển binh mã đi đánh Lý Bí vào mùa đông năm ấy. Bọn này dè dặt không chịu tiến quân, lấy cớ mùa xuân lam chướng, xin đợi mùa thu hẵng khởi binh. Nhưng thứ sử Quảng Châu là Tiêu Ách (cũng là tôn thất nhà Lương) không nghe. Vũ Lâm hầu Tiêu Tư cũng thúc giục thêm. Cho nên bọn Tôn Quýnh, Tử Hùng bắt buộc phải động binh (tháng 1 năm 543).

Chủ động đánh giặc, nghĩa quân Lý Bí tổ chức một trận tiêu diệt chiến lớn ngay trên miền cực bắc Châu Giao. Cuộc chiến diễn ra ở Hợp Phố. Quân giặc, 10 phần chết tới 7, 8 phần, bọn sống sót đều tan vỡ cả, tướng sĩ ngăn cản cũng không được. Bọn Tôn Quýnh, Lư Tử Hùng phải dẫn tàn binh

quay về Quảng Châu. Tiêu Tư dâng tờ khai về triều, vu cho Tôn Quýnh, Tử Hùng "giao thông với giặc, dùng dằng không tiến quân". Thấy quân lính bị thiệt hại quá nặng, Lương Vũ Đế xuống chiếu bắt cả 2 tên tướng cầm đầu bị tội chết ở Quảng Châu.

Sau khi đánh lui hai đợt phản công của quan lại nhà Lương, Lý Bí lại phải lo đối phó với cuộc xâm lấn của Cham Pa ở phía Nam. Biên giới phía Bắc của Cham Pa lúc này là dải Hoàng Sơn. Vua Cham Pa Ru-đra-vac-man I nhân cơ hội bọn quan lại Trung Hoa ở Giao Châu bị đánh đuổi và Lý Bí còn đang dồn quân đối phó trên biên thùy phía Bắc, đã đem quân đánh phá Đức Châu (Hà Tĩnh) vào tháng 5 năm 543. Lý Bí cử tướng Phạm Tu mang quân vào phương Nam đánh tan quân Cham Pa ở Cửu Đức. Vua Cham Pa phải chạy trốn về nước. Thế là biên giới phía Nam cũng tạm yên.

II . Dựng nước vạn xuân độc lập

Khởi nghĩa Lý Bí đã hoàn toàn thắng lợi. Nó kế tục và phát huy truyền thống đấu tranh giành lại quyền độc lập dân tộc mà cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đã phát cờ đầu tiên trong thời kỳ chống Bắc thuộc. Nhưng đại biểu cho dân tộc thời kỳ này không còn là các Lạc tướng quý tộc Âu Lạc cũ mà là tầng lớp "hào trưởng địa phương".

Sau những thắng lợi trên cả hai chiến trường biên giới Bắc, Nam, giành lại và bảo toàn lãnh thổ cơ bản từ thời dựng nước đầu tiên, mùa Xuân, tháng Giêng theo lịch Trăng (2-544), Lý Bí dựng lên một nước mới, với quốc hiệu Vạn Xuân, đóng đô ở miền cửa sông Tô Lịch (Hà Nội). Sử cũ (Đại Việt sử ký) đã hoàn toàn có lý khi bình luận rằng, với quốc hiệu mới, người đứng đầu Nhà nước Vạn Xuân có ý "mong xã tắc được bền vững muôn đời".

Lý Bí là người Việt Nam đầu tiên tự xưng hoàng đế, Việt đế theo sử Bắc (Tự trị thông giám) hay Nam đế theo sử Nam. Và bãi bỏ chính sóc (lịch) của Trung Quốc, ông cũng đặt cho Vạn Xuân và triều đại mới một niên hiệu riêng. Đại Đức theo sử Bắc hay Thiên Đức theo sử Nam (Thiên Đức phải hơn, vì khảo cổ học đã tìm thấy những đồng tiền Thiên Đức đúc thời Lý Nam Đế).

Xưng đế, định niên hiệu riêng, đúc tiền riêng, lấy Nam đối chọi với Bắc, lấy Việt đối sánh với Hoa, những điều đó nói lên sự trưởng thành của ý thức dân tộc, lòng tự tin vững chắc ở khả năng tự mình vươn lên, phát triển một cách độc lập. Đó là sự ngang nhiên phủ định quyền làm "bá chủ toàn thiên hạ" của hoàng đế phương Bắc, vạch rõ sơn hà, cương vực, và là sự khẳng định dứt khoát rằng nòi giống Việt phương Nam là một thực thể độc lập, là chủ nhân của đất nước và nhất định giành quyền làm chủ vận mệnh của mình.

Lý Nam Đế cũng là người đầu tiên nhận ra vị trí địa lý trung tâm đất nước của miền sông nước Tô Lịch. Hà Nội cổ, từ giữa thế kỷ 6 bước lên hàng đầu của lịch sử đất nước.

Cơ cấu triều đình mới, hẳn còn sơ sài, nhưng ngoài hoàng đế đứng đầu, bên dưới đã có hai ban văn võ. Tinh Thiều làm tướng văn, Phạm Tu làm tướng võ, Triệu Túc làm thái phó, Lý Thục Man được cử làm tướng quân coi giữ một miền biên cảnh, từ Đỗ Động (Thanh Oai, Hà Tây) đến Đường Lâm (Ba Vì?) "để phòng ngừa Di Lão" (6) Triều đình Vạn Xuân là mô hình, lần đầu tiên, được Việt Nam thôn hóa và áp dụng, của một cơ cấu nhà nước mới, theo chế độ tập quyền trung ương. Lý Nam Đế cho xây một đài Vạn Xuân để làm nơi văn vũ bá quan triều hội.

Lúc này Phật giáo đang phát triển mạnh ở nước ta cũng như ở Trung Hoa. Giới tăng ni là tầng lớp trí thức đương thời, chắc chắn đã ủng hộ Lý Nam Đế. Chính một người trong họ ông và làm tướng cho ông đã mang một cái tên đượm màu sắc sùng bái Phật tử: đó là Lý Phật Tử.

Nhà nước Vạn Xuân, dù mới dựng, cũng bỏ tiền xây một ngôi chùa lớn, sau trở thành một trung tâm Phật giáo và Phật học lớn của nước ta. Đó là chùa Khai Quốc, tiền thân của chùa Trấn Quốc ở Hà Nội sau đó. Ngay cái tên, "chùa Mở Nước" cũng đã hàm chứa nhiều ý nghĩa!

Về nước Vạn Xuân, sử cũ chỉ chép vắn vắn có từng ấy chuyện. Lý Nam Đế còn làm vua đến năm

548 mới mất. Nhưng thật ra nước Vạn Xuân chỉ được tương đối yên hàn có hơn một năm. Mùa hè năm 545, Nam Kinh lại phát động cuộc phản công chinh phục lần thứ ba. Cuộc chiến lần này gay go ác liệt hơn trước nhiều.

III . Kháng chiến giữ nước

Gần như đồng thời với cuộc nổi dậy của Lý Bí ở Châu Giao, tại miền núi Quảng Châu, nhân dân các tộc thiểu số (Lý Lão) cũng nổi dậy nhiều. Lũ con cháu các viên tướng lần trước được cử đi đánh Lý Bí thất bại và bị xử tử, cũng nổi dậy làm loạn. Quảng Châu náo động. Hai năm 543, 544, nhà Lương phải lo việc đánh dẹp ở châu Quảng.

Đầu năm 545, nhà Lương bắt đầu tổ chức cuộc xâm lược Vạn Xuân nhằm chinh phục lại châu Giao, "thuộc quốc" cũ. Dương Phiêu được cử làm thứ sử châu Giao. Trần Bá Tiên, viên tướng vũ dũng xuất thân "hàn môn" nhưng có công đánh dẹp châu Quảng, được cử làm tư mã Giao Châu, lĩnh thái thú Vũ Bình, cùng Dương Phiêu tổ chức cuộc chinh phục Vạn Xuân. Trong quá trình đàn áp Quảng Châu, Trần Bá Tiên đã thu nạp, tổ chức được một đội quân riêng, khoảng 3.000 người, vũ dũng, thiện chiến, khí giới tốt. Dương Phiêu vui mừng, cho Bá Tiên giữ chức kinh lược (phụ trách tác chiến).

Quân xâm lược, sử cũng không chép rõ số lượng, gồm nhiều bộ phận hợp thành, quân triều đình, quân riêng của Bá Tiên, quân của thứ sử mấy châu ở phương Nam kề cận Giao Châu được lệnh tập trung ở Phiên Ngung (Quảng Châu). Nhiều quân sĩ sợ đi xa, nhiều tướng sĩ ngại ngần, bàn lùi, can ngăn Dương Phiêu không nên phát quân sang Giao Châu. Trần Bá Tiên là viên tướng hiếu chiến, cầu công, đã khích động Dương Phiêu và cất quân tiên phong đi trước.

Từ Phiên Ngung, thủy bộ phối hợp, quân Trần Bá Tiên hẳn đã đi theo con đường ven biển đông bắc ngày xưa Mã Viện đã mở. Tháng 7 năm 545, quân xâm lược tiến sâu vào miền nội địa lưu vực sông Hồng (7).

Theo Trần Thư, quân Vạn Xuân có khoảng vài vạn người giữ thành ở cửa sông Tô Lịch, chiến đấu chống giặc.

Thành đất, lũy tre gỗ, không mấy kiên cố, bị Trần Bá Tiên thúc giục quân vũ dũng công thành ráo riết. Lý Nam Đế buộc phải lui binh ngược sông Hồng, về giữ thành Gia Ninh trên miền đồi núi trung du vùng ngã ba sông Trung Hà - Việt Trì.

Theo thần tích đền Thanh Liệt, trong cuộc chiến đấu ở cửa sông Tô Lịch, lão tướng Phạm Tu của nước Vạn Xuân non trẻ đã oanh liệt hy sinh vào ngày 20 tháng bảy năm ất Sửu (8-545).

Chiến đấu chống quân Lương xâm lược, Lý Nam Đế chỉ dựa vào một đội quân mới hợp, co cụm ở một vài thành lũy mà cố thủ. Lực lượng kháng chiến do thế mà bị sút mẻ, suy yếu dần. Hạ được thành Tô Lịch, Trần Bá Tiên lại tung quân lên bao vây và tấn công thành Gia Ninh, đồng thời cử người báo tin thắng trận cho chủ tướng giặc Dương Phiêu ở tuyến sau biết. Đã qua đi cái do dự buổi đầu, Dương Phiêu liền đem hậu quân tới tiếp ứng cho Trần Bá Tiên.

Cục diện cố thủ của Lý Nam Đế ở thành Gia Ninh kéo dài suốt mùa khô năm 545. Sang tháng 2 năm 546, quân vũ dũng của Bá Tiên, có hậu quân Dương Phiêu tới phối hợp, bao vây và công phá, cuối cùng đã hạ được thành Gia Ninh vào ngày 25. Nhưng Lý Nam Đế cùng một số binh tướng đã thoát chạy được vào miền động Lão ở Tân Xương (miền đồi núi Vĩnh Phúc trên lưu vực sông Lô). Đến đây, kết thúc giai đoạn giữ thành cố thủ của cuộc kháng chiến. Chiến tranh giữ nước chuyển sang một hình thái khác. Lý Nam Đế vào vùng núi rừng Việt Bắc, ngoài số binh tướng còn lại sau trận thất thủ Gia Ninh, đã mộ thêm được nhiều nghĩa quân. Nghĩa quân dựng lán trại trong rừng, hạ nhiều cây rừng, xẻ ván đóng thuyền bè.

Sau một thời gian chỉnh đốn lại lực lượng, tháng 10 năm 546, Lý Nam Đế lại kéo quân từ trong núi

rừng "Di Lão" ra hạ thủy trại ở vùng hồ Diên Triệt.

Hồ Diên Triệt (tên nôm là Đàm Miêng) thuộc xã Tứ Yên huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (8), nằm bên bờ sông Lô, cách Bạch Hạc khoảng 15 km về phía bắc. Hiện nay hồ còn rộng khoảng 50 mẫu, dài khoảng 1 km, khúc rộng nhất khoảng 400 m, có 7 ngách lớn và nhiều ngách nhỏ, mùa khô nước vẫn còn sâu 3 - 4 m. Hồ cách sông Lô 300 m, xưa có một con ngòi thông ra sông này. Ba phía đông, nam, bắc là một dải đồi cao gồm mấy chục quả gò, cộng hơn 300 mẫu; phía tây có một dải đồi thấp, chỉ cao hơn mặt nước chừng 2 - 3 m, bị đứt đoạn một khoảng rộng 180 m, làm thành cửa hồ, thông với vùng chiêm trũng, chằm lầy rộng hàng nghìn mẫu. Theo truyền thuyết dân gian, nghĩa quân Lý Nam Đế đã đóng trại trên dải đồi này, thuyền bè thả đầy mặt hồ. Có một quả đồi, gọi là thành Dền, hay thành Lĩnh, tương truyền là bản doanh của triều đình Vạn Xuân. Một quả đồi cao nhất ở sát bờ hồ, mang tên đồi Vua Ngự, từ đây có thể nhìn rõ Bạch Hạc, Việt Trì. Tương truyền Lý Nam Đế hàng ngày lên đó quan sát địch ở cửa sông Lô (sông Lu hay Lâu, theo sử cũ), phía Bạch Hạc, và đồn đốc quân sĩ đèo thuyền độc mộc. Quanh hồ, có nhiều bến, như bến Chảy, nhân dân lưu truyền là bến vua tắm, nước rất trong, bến Bêu, nơi đậu các thuyền chiến độc mộc... Chỉ có một đường độc đạo từ bờ sông Lô đi vào phía bắc hồ.

Hiện nay, 4 thôn thuộc xã Tứ Yên đều ở trên dải đồi đó, cả 4 thôn đều có đền thờ Lý Nam Đế, Lý Thiên Bảo (anh ruột Lý Nam Đế). Nhưng căn cứ Diên Triệt rất hiểm yếu, khó đánh, khí thế nghĩa quân đang hồi phục, dũng cảm chặn địch cả dưới nước lẫn trên bộ. Quân Lương chỉ cùm lại ở vòng ngoài cửa hồ, không dám tiến sâu nữa. Nhưng Trần Bá Tiên là viên tướng có kinh nghiệm dụng binh, biết quyết đoán, đã triệu tập các tướng lại, bàn đánh.

Bá Tiên nói với tướng sĩ: "Quân ta đi đánh đã lâu, tướng sĩ mỗi mệt, trải tháng năm, cứ giữ lẫn nhau, sợ đó không phải là kế hay. Và quân ta là cô quân không có tiếp viện, đã vào sâu trong tim bụng người ta, nếu đánh một trận mà không thắng, thì còn mong gì sống toàn vẹn? Nay nhờ vào chỗ chúng thua chạy luôn, nhân tình chưa vững chãi, quân Di Lão ô hợp, dễ bị đánh diệt, chính là lúc nên cùng xuất quân, liều chết mà đánh, chứ vô cớ dừng lại, thì cơ hội qua đi mất". Các tướng của Bá Tiên đều nín lặng, không tên nào dám hưởng ứng (Trần Thư, q.1).

Những nhà quân sự học thời sau có thể lấy làm tiếc rằng Lý Nam Đế đã không kịp thời lợi dụng thời cơ khi địch còn đang lúng túng, hoang mang để tổ chức tiến công trước, giành thế chủ động trên chiến trường. Sau những thất bại buổi đầu ở Tô Lịch, ở Gia Ninh (cũng vì quá ham giữ thành cố thủ), Lý Nam Đế đã có phần trù trừ, thiếu cương quyết, khiến Trần Bá Tiên có thời gian dò biết được tình hình bên ta rồi nhanh chóng dốc toàn lực lượng chủ động mở cuộc tiến công trước.

Buổi sáng, chủ trương đánh của Bá Tiên không được sự hưởng ứng của đám tướng sĩ dưới quyền. Nhưng đêm ấy, những trận mưa lũ cuối mùa đã khiến cho nước sông Lô đột nhiên lên to, tràn vào vùng chằm ao và ruộng trũng, nước ngập tràn, chảy như rót vào hồ, thuyền lớn có thể đi lại tha hồ mà khu căn cứ nghĩa quân trở thành một vùng cô đảo giữa biển nước mênh mông... Lợi dụng nước lớn, Trần Bá Tiên xua chiến thuyền xông trận, đánh trống reo hò mà tiến vào Diên Triệt. Lý Nam Đế và nghĩa quân bị địch tập kích bất ngờ, không kịp phòng bị, không sao chống đỡ nổi. Trần Thư chép rõ về cuộc tấn công của quân Lương trong đêm mưa lũ đó. Truyền thuyết dân gian vùng Tứ Yên cũng ghi nhớ rằng do một đêm có trận lũ to, nước tràn vào đồng, quân địch vượt thuyền vào đánh. Quân ta thua. Đê Thác là tràn ruộng chiêm - mùa, so với các tràn ruộng khác thì nó không lầy thụt bằng (hiện nay được đắp thành đường đi vào xã Đông Thịnh). Đây là con đường duy nhất có thể rút về phía Tam Đảo. Là một viên tướng giỏi và hiểm độc, có lẽ Trần Bá Tiên đã cố tình đánh chặn ba mặt rút vào đất liền nhằm dồn nghĩa quân xuống dòng Lô mênh mông nước lũ. Quân ta đổ xuống cướp đường vào đất liền, mở mũi phản công đẫm máu ở chỗ Đê Thác nhưng không được, đành phải đưa Lý Nam Đế xuống thuyền sang hữu ngạn sông Lô, rồi để tránh sự truy tầm của giặc, Lý Nam Đế lại phải tính kế vượt sông Thao một lần nữa.

Đây là trận đánh lớn cuối cùng của Lý Nam Đế. Sau lần thất bại lớn thứ ba này, ông phải vào nương náu trong động Khuất Lão (Tam Nông, Vĩnh Phúc) (9).

"Động Khuất Lão" là tên một khu đồi hiện nằm giữa 2 xã Văn Lang và Cổ Tuyết thuộc huyện Tam Nông (Vĩnh Phúc) gồm 3 quả đồi ở bờ sông Hồng, hiện cách sông khoảng 1 km. Dân gian còn gọi là khu "Cổ bông", "Tam khu" hay "Khu Lăng", vì tương truyền đây là khu mộ Lý Nam Đế; xưa có đền thờ Lý Nam Đế và Lý Thiên Bảo, sau dời ra làng Danh Hựu. Quanh khu đồi là đồng lầy bao bọc. Xưa là khu đất cắm, chỉ có ngày tế lễ dân mới vào, đi bằng thuyền. Nhìn xa, động Khuất Lão trông như một bông sen, cuống bám vào dãy rừng Cắm thuộc xã Văn Lang, 3 cánh xòe trên cánh đồng chiêm trũng thuộc xã Cổ Tuyết. Cũng như Danh Hựu, làng Tự Cường (cách Danh Hựu 1km) cũng có đền thờ Lý Bí và Lý Thiên Bảo. Cả vùng này kiêng tên Bí - gọi là Bàu, kiêng tên Bảo - gọi là Biều. Việc thờ Lý Bí ngày trước theo nghi lễ thờ vua:

*Trên năm chéo lọng vàng cờ đỏ
Dưới hai hàng vãn võ châu sang*

Tương truyền, về cuối đời, Lý Nam Đế bị mù. Thần thành hoàng Danh Hựu vẫn được các làng chung quanh gọi là "Vua mù" và khi tế lễ, phải xướng tên các vật phẩm để thần biết.

Theo sử cũ của ta, từ sau khi rút về động Khuất Lão, Lý Nam Đế bị đau yếu luôn. Ông giao binh quyền cho Triệu Quang Phục. Hai năm sau, vua mất (548) (10).

(1) Một thước bằng 40 cm.

(2) Vạn Xuân là vạn mùa xuân, có ý mong muốn đất nước bền vững lâu dài.

(3) Vạn Thọ là sống lâu hàng vạn năm, cũng có ý mong muốn vững chắc bền lâu.

(4) Khai Quốc là mở nước, nay là chùa Trấn Quốc ở bên Hồ Tây, Hà Nội.

* Chú thích

(1) Theo Đại Việt sử ký toàn thư thì Lý Bí, tiên tổ là người Bắc, lánh nạn sang miền đất nước ta từ đầu Công Nguyên, trải 7 đời thành ra người Nam, đến Lý Bí, đã hơn 5 thế kỷ. Chính sử Trung Quốc như Lương Thư (q.3). Trần thư (q.1) gọi là "Giao Châu thổ nhân" hay "thổ hào".

(2) Theo Việt điện u linh, Lý Bí người huyện Thái Bình. Cái tên này mới xuất hiện năm 712. Theo Giả Đàm ký: "Từ An Nam (Tống Bình - Hà Nội) qua Giao Chỉ (Tứ Liêm, Hoài Đức). Thái Bình, hơn 100 dặm thì đến Phong Châu". Vậy Thái Bình thuộc đất Sơn Tây cũ (nay là ngoại thành Hà Nội). Theo Toàn thư và Việt sử lược năm 950, Xương Văn đem quân đi đánh 2 thôn Đường. Nguyễn ở Thái Bình. Đường tức là Đường Lâm, nơi cát cứ của Ngô Nhật Khánh (nay thuộc huyện Ba Vì). Nguyễn là Nguyễn Gia Loan, nơi cát cứ của Nguyễn Khoan, cũng tự xưng là Thái Bình (Nguyễn Gia Loan nay ở xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc).

Vậy Thái Bình, quê Lý Bí là vùng hai bờ sông Hồng, phía trên thị xã Sơn Tây bên hữu và Yên Lạc, Bình Xuyên cũ bên tả ngạn. Đích xác là làng nào thì chưa rõ. Theo Đại Việt sử ký toàn thư quê Lý Bí ở Thái Bình thuộc phủ Long Hưng tức thuộc đất Thái Bình ngày nay. Hai làng Tử Các và Các Đông ở Thái Thụy, Thái Bình có 2 đình thờ Lý Bí nhưng vùng này chỉ cách biển 2km, dân mới khai thác chừng vài trăm năm nay, có lẽ thế kỷ 6 còn là vùng biển hay vùng lầy. Dân gian cũng không cho đây là vùng quê Lý Bí. Tham khảo Đồ Đức Hùng. Về tên đất Thái Bình, quê hương của Lý Bôn. Nghiên cứu lịch sử số 191, Hà Nội, 1980, tr.63-65.

(3) Nhà Lương chia nhỏ Giao Châu cũ, lập nhiều châu mới:

a) Ái Châu trên đất quận Cửu Chân xưa (Thanh Hóa).

- b) Đức Châu
- c) Lợi Châu, trên đất quận Cửu Đức xưa (Hà Tĩnh)
- d) Minh Châu
- đ) Hoàng Châu: miền biển đông bắc Giao Châu cũ (Quảng Ninh).
- e) Giao Châu (thu nhỏ): đồng bằng và trung du Bắc Bộ.

(4) Lương thư q.3 chép: "Lý Bí liên kết với hào kiệt vài châu đồng thời làm phản (!)"

(5) Theo truyền thuyết ở Bình Xuyên, Yên Lãng thì Lý Bí là người có tài trí, bị thư sử nhà Lương là Tiêu Tư nghi ngờ, phải đi trốn. Ông về trại Diên Táo thuộc Yên Lãng nương náu. Tại đây ông đã gặp Triệu Quang Phục đang ở với bác là Triệu Quang Thành tại chùa Diên Táo. Quang Phục đã theo ngay Lý Bí. ở Diên Táo, ông được các phụ lão trong vùng cùng dân làng hết sức bảo vệ, ủng hộ và cung đường chu đáo. Khi Lý Bí khởi nghĩa, toàn thể dân chúng vùng này đều theo ông. Khởi nghĩa thành công, Lý Bí lên làm vua, đối xử với dân Đông Lỗ, Diên Táo rất hậu.

(6) Lý Phục Man được thờ ở Yên Sở (Hoài Đức) và nhiều làng vùng đồng bằng, tương truyền là người làng Yên Sở tức Cổ Sở xưa. Phạm Tu và Lý Phục Man là một người hay hại người và quan hệ với nhau như thế nào, đây là một vấn đề đã được đặt ra từ lâu, nhưng chưa có đủ cứ liệu khoa học để kết luận.

(7) Theo Tự trị thông giám (q.159) Lý Bí đã đem 3 vạn quân trấn giữ ở Chu Diên (mạn Hưng Yên ven sông Hồng, sông Đuống?), cùng quân Bá Tiên đánh nhau ở đó. Trần Thư không chép việc này, chỉ chép việc đánh nhau ở cửa sông Tô Lịch. Lương thư chỉ chép việc đánh thành Gia Ninh.

(8) Tham khảo: Vũ Kim Biên, Về hồ Diên Triệt, Nghiên cứu lịch sử số 172. 1-2-1977 tr.75-78.

(9) Có ý kiến cho Khuất Lão là mạn Tuyên Quang. Cách Tuyên Quang 10 km trên đường đi Yên Bái, có đền thờ Lý Nam Đế. Tương truyền đó là nơi Lý Nam Đế bị giết. Xem Nguyễn Quang Lục, Lịch sử Hà Nội. Gió Việt, Sài Gòn. 1952 tr.198.

(10) Theo Trần Thư q.1, tháng ba năm Thái Thanh thứ 2 đời Lương Vũ Đế (4-548) người Lão giết Lý Bí, cắt đầu đem nộp quân Lương!
Về cái chết của những người anh hùng dân tộc thời chống Bắc thuộc, bao giờ sử ta và sử Trung Quốc cũng chép khác nhau!